

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2021/HS-ST**

Ngày: 20-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH L. ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Minh Thọ;

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mai Hoàng V**; sinh ngày 17 tháng 7 năm 1995, tại Khánh Hoà; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Hoàng T, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1974; vợ, con: chưa có; tiền án: tiền sự: không; Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N, tỉnh Khánh Hòa từ ngày 03/11/2020 (theo lệnh tạm giam số 4638 ngày 03/11/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N, tỉnh Khánh Hòa).*(Có mặt)*

-Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1978; nơi cư trú: Số 56 đường K, phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.*(Vắng mặt)*

2. Chị Lê Thị Phương T1, sinh năm: 1990; nơi cư trú: G3, Khu quy hoạch H, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.*(Vắng mặt)*

3. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1977; nơi cư trú: B25 đường N, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.*(Vắng mặt)*

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Đình L, sinh năm: 1986; nơi cư trú: Số 268 đường T, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt)*

2. Anh Bùi Sơn T2, sinh năm: 1989; nơi cư trú: 87 đường B, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Hoàng V là đối tượng không có việc làm ổn định. Để có tiền tiêu xài, V nhiều lần bắt xe khách từ thành phố N lên thành phố Đ mục đích để trộm tài sản rồi mang về thành phố N tiêu thụ. Từ ngày 12/10/2020 đến ngày 19/10/2020, V đã 03 lần đột nhập vào nhà của người dân trên địa bàn thành phố Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần 1: Sau khi đi xe khách từ thành phố N lên thành phố Đ, khoảng 01 giờ, ngày 12/10/2020, V một mình đi bộ đến đường K, phường F, thành phố Đ phát hiện thấy nhà của chị Nguyễn Thị T ở số 56 đường K không đóng cửa thông gió nhà vệ sinh nên V đã trèo rào vào sân nhà, rồi chui qua cửa thông gió vào phòng vệ sinh, V đi sang phòng ngủ của chị T lục tìm tài sản lấy được 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen để tại bàn làm việc trên đầu giường và số tiền 1.600.000 đồng để trong túi quần treo tại cuối giường ngủ rồi tẩu thoát. Đến sáng ngày 12/10/2020, V đi xe khách về thành phố N bán 02 chiếc điện thoại trộm cắp được cho anh Nguyễn Đình L, chủ cửa hàng điện thoại HL ở địa chỉ 26 đường C, phường P, thành phố N được số tiền 4.000.000 đồng. Số tiền này cùng số tiền lấy trộm được V đã tiêu xài hết. Tại kết luận định giá số số 245/ KL- ĐG ngày 04/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định 01 điện thoại Iphone 7 Plus, màu đen nói trên trị giá 6.000.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 7 màu đen nói trên trị giá 3.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo V chiếm đoạt của chị T là 10.600.000 (mười triệu sáu trăm nghìn) đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã thu hồi và xử lý vật chứng trả lại 02 chiếc điện thoại trên cho chị T, chị T không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền mặt 1.600.000 đồng mà bị cáo đã lấy trộm.

Anh Nguyễn Đình L, là người đã mua lại 02 chiếc điện thoại nói trên của V. Quá trình điều tra xác định khi mua điện thoại anh L không biết đây là tài sản do V trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với anh L. Anh L không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.000.000 đồng đã mua 02 chiếc điện thoại của bị cáo V.

Lần 2: Với phương thức, thủ đoạn như trên, chiều ngày 12/10/2020, V tiếp tục đón xe khách từ thành phố N lên thành phố Đ. Đến rạng sáng ngày 13/10/2020, V đi bộ đến nhà số G3, khu quy hoạch H, phường E, thành phố Đ của chị Lê Thị Phương T1 thì phát hiện thấy nhà không đóng cửa phòng ban công tầng 2, V leo rào lên ban

công tầng 2 của ngôi nhà, đột nhập vào phòng ngủ tại tầng 3 lục tìm tài sản và lấy được 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng đang sạc pin để tại ghế gần cửa vào phòng ngủ rồi tẩu thoát. Đến khoảng 08 giờ ngày 13/10/2020, V đi xe khách về lại thành phố N và bán chiếc điện thoại vừa trộm cắp được cho anh Bùi Sơn T2, chủ cửa hàng điện thoại ST ở địa chỉ 958 đường L, phường P, thành phố N được số tiền 3.500.000 đồng và đã tiêu xài hết. Sau khi mua điện thoại của V, anh T2 đã bán lại cho người khác (không rõ lai lịch, địa chỉ) nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt không thu hồi được tài sản trả cho chị T2. Tại kết luận định giá số 245/KL- ĐG ngày 04/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng nói trên trị giá 9.000.000 (chín triệu) đồng. Chị T2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Lần 3: Cũng thủ đoạn như trên, rạng sáng ngày 19/10/2020, sau khi đi xe khách từ thành phố N lên thành phố Đ, V một mình đi bộ đến số nhà B25 đường N, phường C, thành phố Đ của anh Nguyễn Văn B thì thấy cửa thông gió đang mở nên V leo rào vào trong sân rồi chui qua cửa thông gió vào bên trong của ngôi nhà, đi lên phòng ngủ tại tầng 2 lục tìm tài sản và lấy được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max Pro, màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A7, màu đen và số tiền 150.000 đồng rồi tẩu thoát. Sau đó V đón xe khách về lại thành phố N bán 02 chiếc điện thoại mới trộm cắp được cho anh Bùi Sơn T2 được số tiền 6.200.000 đồng. Số tiền này và số tiền lấy trộm được, V đã tiêu xài cá nhân hết. Tại kết luận định giá số 245/ KL- ĐG ngày 04/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max Pro, màu vàng nói trên trị giá 13.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A7, màu đen trị giá 2.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo V chiếm đoạt của anh B là 15.650.000 (mười lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng. Sau khi mua điện thoại của V, anh T2 đã bán lại cho người khác (không rõ lai lịch, địa chỉ) nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt không thu hồi được tài sản trả lại cho anh B. Anh B không yêu cầu bị cáo bồi thường số tài sản bị mất.

Anh T2 là người đã mua lại 03 chiếc điện thoại trên của V trộm cắp ở lần 2 và lần 3. Quá trình điều tra xác định khi mua anh T2 không biết đây là tài sản do V trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý. Anh T2 không có yêu cầu gì.

Tối ngày 23/10/2020, V tiếp tục đi xe khách lên thành phố Đ để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì bị cơ quan công an mời về làm việc. Tại cơ quan điều tra, V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Cáo trạng số 23/CT-VKSĐL ngày 27/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Mai Hoàng V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết

luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo: giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Mai Hoàng V về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng số 23/CT-VKSĐL ngày 27/01/2021. Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đề nghị tuyên bố bị cáo Mai Hoàng V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo Mai Hoàng V từ 24-30 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: đề nghị buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị T2 số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng.

Bị cáo không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: các bị hại chị T, anh B và người liên quan anh L, anh T2 có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa; bị hại chị T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về căn cứ kết tội bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Vì mục đích tư lợi cá nhân, lợi dụng lúc đêm khuya và rạng sáng khi mọi người còn

đang ngủ, từ ngày 12/10/2020 đến ngày 19/10/2020, bị cáo Mai Hoàng V đã 03 lần lén lút đột nhập vào nhà của người dân trên địa bàn thành phố Đ để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể: bị cáo đã trộm cắp của chị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen trị giá 6.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen trị giá 3.000.000 đồng và số tiền 1.600.000 đồng; trộm cắp của chị T2 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng nói trên trị giá 9.000.000 đồng và trộm cắp của anh B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max Pro, màu vàng trị giá 13.500.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A7, màu đen trị 2.000.000 đồng và số tiền 150.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo V chiếm đoạt của chị T, chị T1 và anh B là 35.250.000 (*ba mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng. Hành vi của bị cáo Mai Hoàng V thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Đình L và Bùi Sơn T2 là người đã mua lại những chiếc điện thoại trên của bị cáo V. Quá trình điều tra xác định khi mua, L và T2 không biết đây là tài sản do bị cáo V trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt không có cơ sở để xử lý đối với L và T2 là đúng quy định.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội 03 lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được bị hại chị T2 xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về quyết định hình phạt: Xét thấy bị cáo là người đã thành niên, có sức khỏe, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì ham chơi, lười lao động mà bị cáo vẫn cố ý 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để kiếm tiền tiêu xài cá nhân là thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo, khi bị cáo lên thành phố Đ lần thứ 4 nhằm mục đích tiếp tục trộm cắp tài sản thì bị phát hiện là ngoài ý muốn của bị cáo. Hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần thiết phải áp dụng một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo đồng thời mang tính phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: theo tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên toà thể hiện bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị T đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm, anh B không yêu cầu bị cáo bồi thường số tài sản bị chiếm đoạt, người liên quan anh L, anh T2 không có yêu cầu bồi thường gì nên không đề cập.

Bị hại chị Lê Thị Phương T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.000.000 đồng. Xét yêu cầu này của chị T1 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, bị cáo V cũng đồng ý bồi thường cho chị T1 số tiền trên nên ghi nhận. Buộc bị cáo V có trách nhiệm bồi thường cho chị T1 số tiền 9.000.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ và đã xử lý trả lại cho chị Nguyễn Thị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen là đúng quy định.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vertu, màu đen xám, 01 mũ lưỡi trai màu đen, 01 chứng minh nhân dân tên Mai Hoàng V Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt thu giữ của bị cáo V, quá trình điều tra, V khai nhận chiếc điện thoại trên V trộm cắp tại Villa 02 đường L, khu đô thị M, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt đã chuyển chiếc điện thoại di động hiệu Vertu, màu đen xám, 01 mũ lưỡi trai màu đen, 01 chứng minh nhân dân tên Mai Hoàng V nói trên cho Cơ quan điều tra Công an thành phố N, tỉnh Khánh Hòa để điều tra, xử lý theo quy định nên không đề cập xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Mai Hoàng V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt Mai Hoàng V 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 03/11/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Mai Hoàng V có trách nhiệm bồi thường cho Lê Thị Phương T1 số tiền 9.000.000 (*chín triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi

hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại chị T, chị T1, anh B, những người liên quan anh L, anh T2 vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THADS TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Lệ Quyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trương Minh Thọ – Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Lê Thị Lệ Quyên